

Bản án số: 69/2026/KDTM-ST
Ngày: 19-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tống Văn Tâm;
- Bà Vũ Thị Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lệnh Khâm Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 51/2026/TLST-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo định đưa vụ án ra xét xử số 55/2026/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2026/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14/01/1973; địa chỉ: Tổ I, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thảo N; địa chỉ: Số A đường số B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 22/12/2025).

- Bị đơn: Công ty TNHH C; địa chỉ: Thửa đất 361, tờ bản đồ số 2, tổ D, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Doãn B - Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Doãn B, sinh năm 1983; địa chỉ: T đất 361, tờ bản đồ số 2, tổ D, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2025 các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Từ ngày 05/01/2023 đến ngày 31/12/2024, Công ty TNHH S và Công ty TNHH C có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa, cụ thể:

Ngày 05/01/2023 ký kết Hợp đồng mua bán số và ngày 05/01/2024 ký kết Hợp đồng mua bán số với nội dung mua bán các loại gỗ cao su tấm sậy; số lượng căn cứ đặt hàng của Bên mua và khả năng cung ứng của bên bán; giá theo thị trường và được thỏa thuận theo từng đơn hàng tháng; quy cách, chất lượng chi tiết sẽ được thỏa thuận cụ thể theo từng lần đặt hàng; phương thức đặt hàng: theo hình thức điện thoại, fax, email...; thời gian và phương thức thanh toán: từ 30 đến 45 ngày, kể từ ngày Công ty TNHH C nhận hàng và hóa đơn chứng từ. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản; tiền lãi chậm trả các bên thỏa thuận bằng lời là 1,2%/tháng; tiền phạt vi phạm Hợp đồng các bên thỏa thuận bằng lời là 8% trên số tiền vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Công ty TNHH C đã nhận đủ hàng hóa và các hóa đơn, chứng từ nhưng không thanh toán đủ tiền hàng hóa, tiền thuế cho Công ty TNHH S.

Ngày 20/12/2025, Công ty TNHH S với Công ty TNHH C và ông Nguyễn Doãn B đã lập “Văn bản thỏa thuận” về việc trả nợ với nội dung như sau: Công ty TNHH C và ông Nguyễn Doãn B có trách nhiệm và liên đới thanh toán hết khoản tiền nợ cho Công ty TNHH S. Nhưng Công ty TNHH C và ông Nguyễn Doãn B vẫn không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Do đó, Công ty TNHH S yêu cầu:

Công ty TNHH C và ông Nguyễn Doãn B thanh toán cho Công ty TNHH S là 2.813.477.000 đồng. Trong đó, tiền hàng hóa, tiền thuế là 1.983.793.770 đồng. Tiền lãi tạm tính là 670.980.000 đồng; tiền phạt tạm tính là 158.703.500 đồng (tổng số tiền vi phạm 1.983.793.770 đồng x 8%) của các hóa đơn sau:

- Hóa đơn số 69 ngày 28/6/2023 là 561.355. 216 đồng.
- Hóa đơn số 79 ngày 27/7/2023 là 638.551.247 đồng.
- Hóa đơn số 95 ngày 30/8/2023 là 157.967.426 đồng.
- Hóa đơn số 119 ngày 28/10/2023 là 485.479.046 đồng.
- Hóa đơn số 126 ngày 29/11/2023 là 140.440.835 đồng.

Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có bản trình bày ý kiến bổ sung ngày 19/6/2026 yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty TNHH C và ông Nguyễn Doãn B có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty TNHH S 2.125.452.950 đồng. Trong đó: tiền hàng hóa là

1.983.793.770 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 20/12/2025 đến ngày 26/5/2026 là 141.659.180 đồng.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi chậm thanh toán 533.090.820 đồng và rút yêu cầu khởi kiện buộc Công ty TNHH C và ông Nguyễn Doãn B có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty TNHH S tiền phạt vi phạm nghĩa vụ tính đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính 158.703.500 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, chứng cứ gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về một phần tiền lãi chậm thanh toán và phạt vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH S khởi kiện Công ty TNHH C liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH C có trụ sở chính tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại Tòa án đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền phạt vi phạm và một phần tiền lãi chậm thanh toán nên Tòa án đình chỉ.

[4] Xét thấy, hai bên có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa và Công ty S đã giao hàng, xuất hóa đơn nhưng Công ty C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ tại Điều 50, 55 Luật Thương mại. Ngày 20/12/2025, Công ty TNHH S và Công ty TNHH C đã văn bản thỏa thuận tính đến ngày 20/12/2025 tổng tiền hàng còn nợ là 1.983.793.770 đồng. Các bên thỏa thuận Công ty TNHH C và ông Nguyễn Doãn B cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho Công ty S. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH C và ông Nguyễn Doãn B cùng liên đới thanh toán tiền hàng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên số tiền nợ gốc với mức lãi là 14,4%/năm thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Hai bên không thỏa thuận về mức lãi chậm thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Tại phiên tòa, nguyên đơn có văn bản thay đổi thời gian tính lãi chậm thanh toán từ ngày 20/12/2025 đến ngày 19/6/2025 là có lợi cho bị đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của diện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228, Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại Tòa án;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55; Điều 301 và Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 của ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S buộc Công ty TNHH C và ông Nguyễn Doãn B thanh toán tiền lãi 533.090.820 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu không trăm chín mươi nghìn tám trăm hai mươi đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S buộc Công ty TNHH C1 Phát và ông Nguyễn Doãn B phạt vi phạm nghĩa vụ tính đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính 158.703.500 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S đối với Công ty TNHH C về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể như sau:

Buộc Công ty TNHH C và ông Nguyễn Doãn B liên đới thanh toán cho Công ty TNHH S 2.125.452.950 đồng (Hai tỷ một trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng).

Trong đó: Tiền nợ gốc 1.983.793.770 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi ba triệu bảy trăm chín ba nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 141.659.180 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn một trăm tám mươi đồng).

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả và tương ứng với số tiền còn phải thi hành án.

5. Về án phí:

5.1. Công ty TNHH C1 và ông Nguyễn Doãn B phải liên đới chịu án phí sơ thẩm 74.509.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng).

5.2. Công ty TNHH S không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 44.134.770 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010252 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thêm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Hồng Thêm